

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 199/2024/HS-ST
Ngày: 09/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Tiến Dũng
- Bà Bùi Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (địa chỉ: số A đường số F, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Duy A, sinh năm: 1993; Giới tính: Nam; nơi sinh: Thành phố Hải Phòng; Căn cước công dân số: 031093004396; Hộ khẩu thường trú: tổ Đ, phường Đ, quận K, Thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện tại: số H đường số A, khu nhà ở H, khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Không; con ông Phạm Duy T và bà Vũ Thị M; vợ Nguyễn Thị Hà Y; có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh 2019; Tiền án: không, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2023 đến ngày 22/12/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Lý Thị Bảo H, sinh năm 1985

Địa chỉ: 3 L, khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Anh Phạm Anh T1, sinh năm 1977

Địa chỉ: 2/1/2 đường D, khu phố H, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Anh Lê Phú T2, sinh năm 1981

Địa chỉ: 7 đường I, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

4/ Chị Vũ Thị N, sinh năm 1979

Địa chỉ: B đường B, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

5/ Anh Dương Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1993

Địa chỉ: 4 đường K, khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

6/ Anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1995

Địa chỉ: G đường A, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

7/ Chị Lê Thị N1, sinh năm 1979

Địa chỉ: A đường M, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

8/ Chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1985

Địa chỉ: 25/8/29/5 đường A, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

9/ Anh Trần Duyên H2, sinh năm 1981

Địa chỉ: B đường H, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

10/ Bà Mai Thị Ngọc H3, sinh năm 1963

Địa chỉ: 5 T, khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

11/ Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1983

Địa chỉ: 2 đường T, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

12/ Anh Lê Văn D, sinh năm 1980

Địa chỉ: 2 đường X, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

13/ Bà Trần Thị Hồng O, sinh năm 1962

Địa chỉ: E đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

14/ Chị Nguyễn Thị Hồng H4, sinh năm 1972

Địa chỉ: 1 đường H, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

15/ Bà Mai Ngọc L2, sinh năm 1958

Địa chỉ: 1 đường H, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

16/ Chị Trần Thị H5, sinh năm 1973

Địa chỉ: A đường A, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

17/ Anh Nguyễn Ngọc M1, sinh năm 1972

Địa chỉ: 7 đường D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

18/ Chị Trần Kim A1, sinh năm 1973

Địa chỉ: số G đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

19/ Bà Trương Thị H6, sinh năm 1954

Địa chỉ: G đường A, khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

20/ Bà Lương Thị X, sinh năm 1967

Địa chỉ: 1 đường H, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

21/ Anh Nguyễn Văn H7, sinh năm 1970

Địa chỉ: G đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

22/ Chị Lê Thị Ánh C, sinh năm 1980

Địa chỉ: 6 đường A, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

23/ Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1966

Địa chỉ: C đường T, khu phố C, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

24/ Anh Nguyễn Sơn Tam B, sinh năm 1996

Địa chỉ: 4 đường G, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

25/ Anh Phạm Đức H8, sinh năm 1991

Địa chỉ: E đường Q, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

26/ Bà Hoàng Thị T5, sinh năm 1976

Địa chỉ: 1 đường U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

27/ Ông Lưu Trung T6, sinh năm 1972

Địa chỉ: A khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

28/ Chị Phạm Thị Kim T7, sinh năm 1976

Địa chỉ: 4 đường A, khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

29/ Anh Nguyễn Hữu T8, sinh năm 1993

Địa chỉ: A đường A, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

30/ Anh Tạ Hữu V, sinh năm 1978

Địa chỉ: 8 đường Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Vào khoảng tháng 7/2022, Phạm Duy A in các tờ rơi, dán quảng cáo với nội dung: “cho vay tiền góp thủ tục nhanh chóng - bảo mật uy tín với số điện thoại 0785403403” rồi thuê người đi dán các tờ rơi, quảng cáo trên các cột điện và tường rào ở khu dân cư để tìm người có nhu cầu vay tiền thì sẽ liên hệ trực tiếp qua thuê bao số 0785403403 gặp Phạm Duy A để làm thủ tục vay. Sau đó, Phạm Duy A sẽ đến nơi ở của người cần vay tiền để biết nhà và người vay chỉ cần photo giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân giao cho Phạm Duy A một bản để lưu giữ thông tin là được Phạm Duy A cho vay tiền Phạm Duy A sử dụng tài khoản số 208840266 của Ngân hàng TMCP V1 để nhận và giao tiền từ người vay hoặc đưa tiền mặt. Đến khoảng tháng 4/2023, Phạm Duy A thuê Đào Trọng Đ, sinh năm 1996, Nơi thường trú: thôn I, xã C, huyện V, Hải Phòng, Nơi ở hiện tại: 28A đường C, khu phố G, phường L, thành phố T) đi lấy tiền góp từ những người vay, mỗi tháng Phạm Duy A trả công cho Đ 6.500.000 đồng. Phạm Duy A cho người vay tiền tính theo hình thức lãi góp với mức lãi suất tương đương 151%/năm đến 1.825%/năm, người vay phải trả tiền gốc và lãi theo ngày. Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 14/06/2023, tổ tuần tra Công an phường L, thành phố T tuần tra trên tuyến khi đến trước nhà số A K, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện Phạm Duy A có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra và đưa về trụ sở Công an phường L làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T, Phạm Duy A khai nhận hành vi phạm tội như trên và đã cho 30 người vay tiền để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Chị Lý Thị Bảo H (địa chỉ: 3 L, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh) vay 02 lần:

Lần 1: Khoảng tháng 3/2023 (không nhớ ngày chính xác) Phạm Duy A cho chị H vay 5.000.000 đồng trả trong 25 ngày, mỗi ngày chị H góp cho Duy A 250.000 đồng, số tiền lãi Duy A thu trong 25 ngày là 1.250.000 đồng, 01 ngày chị H phải trả tiền lãi là 50.000 đồng, tương đương 1%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, gấp 18,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, số tiền lãi hợp pháp là 69.417 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.180.583 đồng.

Với hình thức cho vay tương tự như trên, Phạm Duy A đã cho chị Lý Thị Bảo H vay lần hai và các người khác cùng vay với cùng hình thức và cách giao dịch, cụ thể:

Lần 2: Khoảng tháng 4/2023 (không nhớ ngày chính xác) Phạm Duy A cho chị H vay 5.000.000 đồng với hình thức tương tự như trên, thu lợi hợp pháp là 16.660 đồng, thu lợi bất chính là 283.340 đồng. Chị H còn nợ Duy A số tiền 3.500.000 đồng.

Đối với chị Lý Thị Bảo H, số tiền Phạm Duy A sử dụng cho vay là 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 86.077 đồng, thu lợi bất chính là 1.463.923 đồng. Chị H còn nợ Duy A số tiền 3.500.000 đồng.

2. Anh Phạm Anh T1 (địa chỉ: 2 đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), vay 04 lần như sau:

Lần 1: Ngày 09/4/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 138.833 đồng, thu lợi bất chính là 3.361.167 đồng;

Lần 2: Ngày 05/5/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 138.833 đồng, thu lợi bất chính là 3.361.167 đồng;

Lần 3: Ngày 24/5/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 138.833 đồng, thu lợi bất chính là 3.361.167 đồng;

Lần 4: Ngày 09/6/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 33.320 đồng, thu lợi bất chính là 1.566.680 đồng;

Đối với anh Phạm Anh T1, số tiền Phạm Duy A sử dụng cho vay là 40.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 449.820 đồng, thu lợi bất chính là 11.650.180 đồng. Anh T1 còn nợ Duy A số tiền 3.500.000 đồng.

3. Anh Lê Phú T2 (địa chỉ: 7 đường I, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh):

Khoảng tháng 8/2022, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 23.213 đồng, thu lợi bất chính là 311.120 đồng. Anh T2 còn nợ Duy A số tiền 3.000.000 đồng.

4. Chị Vũ Thị N (địa chỉ: B, đường B, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), vay 03 lần như sau:

Lần 1: Ngày 29/3/2023, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 66.640 đồng, thu lợi bất chính là 933.360 đồng;

Lần 2: Ngày 21/4/2023 Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 66.640 đồng, thu lợi bất chính là 933.360 đồng;

Lần 3: Ngày 08/6/2023 đến ngày 01/7/2023 Phạm Duy A cho vay 5.000.000, thu lợi hợp pháp là 22.213 đồng, thu lợi bất chính là 311.120 đồng;

Đối với chị Vũ Thị N, số tiền Phạm Duy A sử dụng cho vay là 15.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 155.493 đồng, thu lợi bất chính là 2.177.840 đồng. Chị N còn nợ Duy A số tiền 3.000.000 đồng.

5. Anh Dương Nguyễn Quốc H1 (địa chỉ: 4 đường K, khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh):

Ngày 22/5/2023 Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 63.863 đồng, thu lợi bất chính là 1.086.137 đồng.

6. Anh Nguyễn Minh L (địa chỉ: G, đường A, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh):

Ngày 07/6/2023 Phạm Duy A cho vay 7.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 34.986 đồng, thu lợi bất chính là 595.014 đồng. Anh L còn nợ Duy A số tiền 3.850.000 đồng.

7. Chị Lê Thị N1 (địa chỉ: A đường M, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh):

Ngày 06/6/2023 Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 44.427 đồng, thu lợi bất chính là 755.573 đồng. Chị N1 còn nợ Duy A số tiền 6.000.000 đồng.

8. Chị Nguyễn Thị Thanh T3 (địa chỉ: 2 đường A, khu phố E, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh):

Trong tháng 5 năm 2023 (không nhớ chính xác ngày vay), Phạm Duy A cho chị T3 vay 15.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 124.950 đồng, thu lợi bất chính là 1.750.050 đồng. Chị T3 còn nợ Duy A số tiền 3.750.000 đồng.

9. Anh Trần Duyên H2 (địa chỉ: B đường H, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), vay 03 lần như sau:

Lần 1: Khoảng tháng 9/2022, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 66.640 đồng, thu lợi bất chính là 933.360 đồng;

Lần 2: Khoảng tháng 10/2022, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 133.280 đồng, thu lợi bất chính là 1.866.720 đồng;

Lần 3: Khoảng tháng 11/2022, Phạm Duy A cho vay 15.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 149.940 đồng, thu lợi bất chính là 2.100.060 đồng;

Đối với anh Trần Duyên H2, số tiền Phạm Duy A sử dụng cho vay là 30.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 349.860 đồng, thu lợi bất chính là 4.900.140 đồng. Anh H2 còn nợ Duy A số tiền 1.500.000 đồng.

10. Bà Mai Thị Ngọc H3 (địa chỉ: 2 đường T, phường T, thành phố T):

Khoảng tháng 9/2022 đến ngày 14/6/2023, bà H3 10 lần vay 5.000.000 đồng trả trong 25 ngày. Hình thức góp là mỗi ngày phải đóng 250.000 đồng, tương đương 365%/năm, gấp 18.2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, các khoản vay đã tất toán. Tổng số tiền Phạm Duy A sử dụng cho vay là 50.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 694.167 đồng, thu lợi bất chính là 12.305.833 đồng.

11. Chị Nguyễn Thị L1 (địa chỉ: 2 đường T, phường P, thành phố T) vay 02 lần như sau:

Lần 1: Khoảng tháng 5/2023, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 63.863 đồng, thu lợi bất chính là 1.186.137 đồng;

Lần 2: Khoảng tháng 6/2023, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 16.660 đồng, thu lợi bất chính là 678.992 đồng, chị L1 còn nợ Duy A 3.000.000 đồng.

Đối với chị Nguyễn Thị L1, số tiền Phạm Duy A sử dụng cho vay là 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 80.523 đồng, thu lợi bất chính là 1.865.129 đồng. Chị L1 còn nợ Duy A số tiền 3.000.000 đồng.

12. Anh Lê Văn D (địa chỉ: 2 đường X, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương):

Khoảng tháng 4/2023 vay 4.000.000 đồng trả trong 23 ngày. Trừ phí vay 200.000 đồng và tiền góp 02 ngày 400.000 đồng, tổng là 600.000 đồng nên thực nhận 3.400.000 đồng. Hình thức trả lãi là mỗi ngày phải đóng 200.000 đồng, tương đương 365%/năm, gấp 18,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Tổng số tiền Phạm Duy A thu lợi hợp pháp là 55.533 đồng, thu lợi bất chính là 1.144.467 đồng.

13. Bà Trần Thị Hồng O (địa chỉ: E đường A, phường T, thành phố T):

Khoảng tháng 10/2022, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 255.453 đồng, thu lợi bất chính là 1.894.547 đồng.

14. Chị Nguyễn Thị Hồng H4 (địa chỉ: 1 đường H, khu phố A, phường L, thành phố T):

Khoảng tháng 02/6/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 138.833 đồng, thu lợi bất chính là 2.861.167 đồng.

15. Bà Mai Ngọc L2 (địa chỉ 18/6/8 đường H, khu phố A, phường L, thành phố T):

Ngày 26/5/2023, Phạm Duy A cho vay 12.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 166.600 đồng, thu lợi bất chính là 3.433.400 đồng.

16. Chị Trần Thị H5 (địa chỉ: A đường A, khu phố E, phường L, thành phố T):

Khoảng tháng 4/2023, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 58.310 đồng, thu lợi bất chính là 1.516.690 đồng. Chị H5 còn nợ Duy A 1.050.000 đồng.

17. Anh Nguyễn Ngọc M1 (địa chỉ: 7 đường D, phường L, thành phố T):

Lần 1: Ngày 05/5/2023 đến ngày 23/5/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 133.280 đồng, thu lợi bất chính là 2.366.720 đồng.

Lần 2: Từ ngày 15/5/2023 đến ngày 09/6/2023, Phạm Duy A cho vay 15.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 199.920 đồng, thu lợi bất chính là 3.550.080 đồng.

Lần 3: Khoảng tháng 6/2023, Phạm Duy A cho vay 20.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 166.600 đồng, thu lợi bất chính là 3.083.400 đồng.

Đối với anh Nguyễn Ngọc M1, số tiền Phạm Duy A sử dụng cho vay là 45.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 499.800 đồng, thu lợi bất chính là 9.000.200 đồng. Anh M1 còn nợ Duy A số tiền 4.250.000 đồng.

18. Chị Trần Kim A1 (địa chỉ số G đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh):

Khoảng tháng 5/2023, Phạm Duy A cho vay 3.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 38.318 đồng, thu lợi bất chính là 561.682 đồng.

19. Bà Trương Thị H6 (địa chỉ: G, đường A, khu phố B, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh):

Lần 1: Khoảng tháng 01/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 83.300 đồng, thu lợi bất chính là 2.166.700 đồng.

Lần 2: Tháng 02/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 27.767 đồng, thu lợi bất chính là 1.388.900 đồng.

Lần 3: Tháng 03/2023, Phạm Duy A cho vay 20.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 111.067 đồng, thu lợi bất chính là 2.022.267 đồng.

Đối với bà Trương Thị H6, số tiền Phạm Duy A sử dụng cho vay là 40.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 222.137 đồng, thu lợi bất chính là 5.577.867 đồng. Bà H6 còn nợ Duy A số tiền 19.200.000 đồng.

20. Bà Lương Thị X (địa chỉ: 1 đường H, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh):

Lần 1: Tháng 01/2023, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 66.640 đồng, thu lợi bất chính là 933.360 đồng.

Lần 2: Tháng 02/2023, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 38.873 đồng, thu lợi bất chính là 544.460 đồng.

Lần 3: Tháng 3/2023, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 66.640 đồng, thu lợi bất chính là 933.360 đồng.

Lần 4: Tháng 4/2023, Phạm Duy A cho vay 3.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 39.984 đồng, thu lợi bất chính là 560.016 đồng.

Lần 5: Tháng 5/2023, Phạm Duy A cho vay 4.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 28.877 đồng, thu lợi bất chính là 404.456 đồng.

Đối với bà Lương Thị X, số tiền Phạm Duy A sử dụng cho vay là 22.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 241.014 đồng, thu lợi bất chính là 3.375.650 đồng. Bà X còn nợ Duy A số tiền 2.900.000 đồng.

21. Anh Nguyễn Văn H7 (địa chỉ: G đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh):

- Tháng 03/2023, Phạm Duy A cho vay 30.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 199.920 đồng, thu lợi bất chính là 4.437.177 đồng. Anh H7 còn nợ Duy A số tiền 13.750.000 đồng.

22. Chị Lê Thị Ánh C (địa chỉ: 6, đường A, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh):

Lần 1: Khoảng tháng 12/2022, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 69.417 đồng, thu lợi bất chính là 1.430.583 đồng;

Lần 2: Khoảng tháng 04/2023, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 69.417 đồng, thu lợi bất chính là 1.430.583 đồng;

Tổng số tiền Phạm Duy A cho chị C vay là 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 138.834 đồng, thu lợi bất chính 2.861.166 đồng.

23. Bà Nguyễn Thị T4 (địa chỉ: C, đường Thủy Lợi, khu phố C, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh):

- Ngày 07/06/2023, Phạm Duy A cho vay 4.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 15.549 đồng, thu lợi bất chính 711.723 đồng. Bà T4 còn nợ Duy A số tiền 2.000.000 đồng.

24. Anh Nguyễn Sơn Tam B (địa chỉ: 4 đường G, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh):

Ngày 10/05/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 172.153 đồng, thu lợi bất chính 3.227.847 đồng.

25. Anh Phạm Đức H8 (địa chỉ: E đường Q, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh)

Ngày 10/04/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 33.320 đồng, thu lợi bất chính 2.966.680 đồng. Anh H8 còn nợ Duy A số tiền 1.000.000 đồng.

26. Bà Hoàng Thị T5 (địa chỉ: 1 đường U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh):

Lần 1: Tháng 7/2022, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 77.747 đồng, thu lợi bất chính 1.588.920 đồng. Bà T5 còn nợ 2.500.000 đồng;

Lần 2: tháng 8/2022, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 77.747 đồng, thu lợi bất chính 1.588.920 đồng. Bà T5 còn nợ 2.500.000 đồng;

Lần 3: tháng 9/2022, Phạm Duy A cho vay 7.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 54.423 đồng, thu lợi bất chính 762.244 đồng. Bà T5 còn nợ 2.100.000 đồng;

Lần 4: Khoảng tháng 10/2022, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 38.873 đồng, thu lợi bất chính 544.460 đồng. Bà T5 còn nợ 1.500.000 đồng;

Tổng số tiền Phạm Duy A cho bà Hoàng Thị T5 vay là 32.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 248.790 đồng, thu lợi bất chính 4.484.544 đồng. Bà T5 còn nợ Duy A số tiền 8.600.000 đồng.

27. Ông Lưu Trung T6 (địa chỉ: A khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương):

Ngày 08/06/2023, Phạm Duy A cho vay 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 27.767 đồng, thu lợi bất chính 388.900 đồng. Ông T6 còn nợ Duy A số tiền 2.500.000 đồng.

28. Chị Phạm Thị Kim T7 (địa chỉ: 4 đường A, phu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh):

Tháng 5/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 22.213 đồng, thu lợi bất chính 1.377.787 đồng. Chị T7 còn nợ Duy A số tiền 7.000.000 đồng.

29. Anh Nguyễn Hữu T8 (địa chỉ: A, đường A, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh):

Lần 1: ngày 02/5/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 138.833 đồng, thu lợi bất chính 3.361.167 đồng;

Lần 2: ngày 07/6/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 38.873 đồng, thu lợi bất chính 1.661.127 đồng; Anh T8 còn nợ Duy A 5.500.000 đồng.

Tổng số tiền Phạm Duy A cho anh Nguyễn Hữu T8 vay là 20.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 177.706 đồng, thu lợi bất chính 5.022.294 đồng. Anh T8 còn nợ Duy A số tiền 5.500.000 đồng.

30. Anh Tạ Hữu V (địa chỉ: số H đường Đ, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh):

Lần 1: ngày 01/9/2022, Phạm Duy A cho vay 15.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 83.300 đồng, thu lợi bất chính 8.166.700 đồng;

Lần 2: ngày 01/10/2022, Phạm Duy A cho vay 25.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 138.833 đồng, thu lợi bất chính 8.111.167 đồng;

Lần 3: ngày 04/02/2023, Phạm Duy A cho vay 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 55.533 đồng, thu lợi bất chính 5.694.467 đồng;

Lần 4: ngày 02/03/2023, Phạm Duy A cho vay 15.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 83.300 đồng, thu lợi bất chính 8.166.700 đồng;

Tổng số tiền Phạm Duy A cho anh Tạ Hữu V vay là 65.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 360.966 đồng, thu lợi bất chính 30.139.034 đồng.

* Vật chứng vụ án:

- 60 (sáu mươi) tờ giấy có chữ: “cho vay tiền góp thủ tục nhanh chóng - bảo mật uy tín - 0785403403”;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone.

* Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án yêu cầu xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Bản Cáo trạng số 60/CT-VKS-TPTĐ ngày 09/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố bị cáo Phạm Duy A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phạm Duy A2 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Duy A 06 tháng 01 ngày tù. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý đúng theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Phạm Duy A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì và bị cáo nói lời sau cùng rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Duy A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Từ tháng 7/2022 đến ngày 14/6/2023, trên địa bàn thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Duy A đã thực hiện cho 30 người vay tiền với lãi suất từ 151%/năm đến 1.825%/năm, gấp từ 7,5 đến 91,2 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, để thu lợi bất chính. Tổng số tiền bị cáo cho vay là 541.000.000 đồng; tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 123.843.763 đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm D1 đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã có hành vi thực hiện việc cho vay trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính cao nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Đặc biệt hơn trong thời gian qua hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự có chiều hướng gia tăng nên được Đảng và Nhà nước ta có nhiều biện pháp nhằm phòng chống loại tội phạm này. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm, nhất là tội phạm về cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như hiện nay.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn xem xét trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự người vay đã tự nguyện xác lập giao dịch dân sự trái pháp luật, chấp nhận mức lãi suất và số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận với người vay nên có một phần lỗi khi thực hiện các giao dịch trên.

Hội đồng xét xử xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội có một phần lỗi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị cáo đã bị tạm giam trên 06 tháng cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung, nếu không tiếp tục tạm giam cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ một phần mức án mà lẽ ra bị cáo phải nhận là phù hợp pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Đối với Đào Trọng Đ biết Phạm Duy A cho người khác vay tiền lấy lãi suất nhưng Đ vẫn đồng ý làm thuê cho Duy A với công việc cụ thể là đi lấy tiền góp của người vay mỗi tháng sẽ nhận được 6.500.000 đồng tiền công do Duy A trả nhưng Đ chỉ thu tiền của Trần Thị H5, Trần Thị Hồng O, Mai Thị Ngọc H3 với tổng số tiền thu lợi bất chính là 15.717.070 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Đ giúp Duy A dưới 30.000.000 đồng. Do đó, hành vi của Đào Trọng Đ chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự, năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 60 (sáu mươi) tờ giấy có chữ: “cho vay tiền góp thủ tục nhanh chóng - bảo mật uy tín - 0785403403”, là chứng cứ trực tiếp nên cần được lưu vào trong hồ sơ vụ án;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, Phạm Duy A dùng để liên lạc với người vay tiền, Hội đồng tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 541.000.000 đồng bị cáo cho vay, xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay) còn đang nợ bị cáo một số tiền nợ gốc nên cần truy thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để nộp Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- + Truy thu của chị Lý Thị Bảo H số tiền 3.500.000 đồng;
 - + Truy thu của anh Lê Phú T2 số tiền 3.000.000 đồng;
 - + Truy thu của chị Vũ Thị N số tiền 3.000.000 đồng;
 - + Truy thu của anh Nguyễn Minh L số tiền 3.850.000 đồng;
 - + Truy thu của chị Lê Thị N1 số tiền 6.000.000 đồng;
 - + Truy thu của chị Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 3.750.000 đồng;
 - + Truy thu của anh Trần Duyên H2 số tiền 1.500.000 đồng;
 - + Truy thu của chị Nguyễn Thị L1 số tiền 3.000.000 đồng;
 - + Truy thu của chị Trần Thị H5 số tiền 1.050.000 đồng;
 - + Truy thu của anh Nguyễn Ngọc M1 số tiền 4.250.000 đồng;
 - + Truy thu của bà Trương Thị H6 số tiền 19.200.000 đồng;
 - + Truy thu của bà Lương Thị X số tiền 2.900.000 đồng;
 - + Truy thu của anh Nguyễn Văn H7 số tiền 13.750.000 đồng;
 - + Truy thu của bà Nguyễn Thị T4 số tiền 2.000.000 đồng;
 - + Truy thu của anh Phạm Đức H8 số tiền 1.000.000 đồng;
 - + Truy thu của bà Hoàng Thị T5 số tiền 8.600.000 đồng;
 - + Truy thu của ông Lưu Trung T6 số tiền 2.500.000 đồng;
 - + Truy thu của chị Phạm Thị Kim T7 số tiền 7.000.000 đồng;
 - + Truy thu của anh Nguyễn Hữu T8 số tiền 5.500.000 đồng;
- Tổng cộng là: 95.350.000 đồng.

Buộc bị cáo Phạm Duy A phải nộp Ngân sách nhà nước số tiền 450.650.000 đồng.

$(541.000.000 \text{ đồng} - 95.350.000 \text{ đồng} = 445.650.000 \text{ đồng});$

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước đối với số tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 mà bị cáo đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, số tiền 5.179.594 đồng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Duy A trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính, cụ thể:

Buộc bị cáo Phạm Duy A trả lại cho chị Lý Thị Bảo H số tiền 1.463.923 đồng; anh Phạm Anh T1 số tiền 11.650.181 đồng; anh Lê Phú T2 số tiền 311.120 đồng; chị Vũ Thị N số tiền 2.177.840 đồng; anh D2 Nguyễn Quốc H1 số tiền 1.086.137 đồng; anh Nguyễn Minh L số tiền 595.014 đồng; chị Lê Thị N1 số tiền 755.573 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 1.750.050 đồng; anh Trần Duyên H2 số tiền 4.900.140 đồng; chị Mai Thị Ngọc H3 số tiền 12.305.833 đồng; chị Nguyễn Thị L1 số tiền 1.865.129 đồng; anh Lê Văn D số tiền 1.144.467 đồng; bà Trần Thị Hồng O số tiền 1.894.547 đồng; chị Nguyễn Thị Hồng H4 số tiền 2.861.167 đồng; bà Mai Ngọc L2 số tiền 3.433.400 đồng; chị Trần Thị H5 số tiền 1.516.690 đồng; anh Nguyễn Ngọc M1 số tiền 9.000.200 đồng; chị Trần Kim A1 số tiền 682 đồng; bà Trương Thị H6 số tiền 5.577.867 đồng; bà Lương Thị X số tiền 3.375.625 đồng; anh Nguyễn Văn H7 số tiền 4.437.177 đồng; chị Lê Thị Ánh C số tiền 2.861.166 đồng; bà Nguyễn Thị T4 số tiền 711.723 đồng; anh Nguyễn Sơn Tam B số tiền 3.227.847 đồng; anh Phạm Đức H8 số tiền 2.966.680 đồng; bà Hoàng Thị T5 số tiền 4.484.544 đồng; ông Lưu Trung T6 số tiền 388.900 đồng; chị Phạm Thị Kim T7 số tiền 1.377.787 đồng; anh Nguyễn Hữu T8 số tiền là 5.022.294 đồng; anh Tạ Hữu V số tiền là 30.139.034 đồng. Tổng cộng số tiền là 123.843.763 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Duy A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Áp dụng Khoản 2 Điều 201; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Duy A 06 (sáu) tháng 01 (một) ngày tù; Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2023. Bị cáo Phạm Duy A đã chấp hành xong hình phạt tù.

3. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone;

- Giao cơ quan Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cho xuất kho vật chứng là 60 (sáu mươi) tờ giấy có chữ: “cho vay tiền góp thủ tục nhanh chóng - bảo mật uy tín - 0785403403”, để lưu theo hồ sơ vụ án;

(Theo Phiếu nhập kho số NK24/123C ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Buộc bị cáo Phạm Duy A nộp Ngân sách nhà nước số tiền 445.650.000

đồng (bốn trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền vay chưa trả để nộp Ngân sách nhà nước; cụ thể:

- Buộc chị Lý Thị Bảo H nộp Ngân sách nhà nước số tiền 3.500.000 đồng;
- Buộc anh Lê Phú T2 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000 đồng;
- Buộc chị Vũ Thị N nộp Ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000 đồng;
- Buộc anh Nguyễn Minh L nộp Ngân sách nhà nước số tiền 3.850.000 đồng;
- Buộc chị Lê Thị N1 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 6.000.000 đồng;
- Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T3 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 3.750.000 đồng;
- Buộc anh Trần Duyên H2 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng;
- Buộc chị Nguyễn Thị L1 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000 đồng;
- Buộc chị Trần Thị H5 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 1.050.000 đồng;
- Buộc anh Nguyễn Ngọc M1 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 4.250.000 đồng;
- Buộc bà Trương Thị H6 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 19.200.000 đồng;
- Buộc bà Lương Thị X nộp Ngân sách nhà nước số tiền 2.900.000 đồng;
- Buộc anh Nguyễn Văn H7 số tiền nộp Ngân sách nhà nước 13.750.000 đồng;
- Buộc bà Nguyễn Thị T4 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng;
- Buộc anh Phạm Đức H8 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng;
- Buộc bà Hoàng Thị T5 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 8.600.000 đồng;
- Buộc ông Lưu Trung T6 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 2.500.000 đồng;
- Buộc chị Phạm Thị Kim T7 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 7.000.000 đồng;
- Buộc anh Nguyễn Hữu T8 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 5.500.000 đồng;

Tổng cộng là: 95.350.000 đồng (Chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng);

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước đối với số tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 mà bị cáo đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, số tiền 5.179.594 đồng (năm triệu một trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm chín mươi bốn đồng).

- Buộc bị cáo Phạm Duy A nộp lại số tiền thu lợi bất chính 123.843.763 (một trăm hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi ba)

đồng để trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: trả lại cho chị Lý Thị Bảo H số tiền 1.463.923 đồng; anh Phạm Anh T1 số tiền 11.650.181 đồng; anh Lê Phú T2 số tiền 311.120 đồng; chị Vũ Thị N số tiền 2.177.840 đồng; anh D2 Nguyễn Quốc H1 số tiền 1.086.137 đồng; anh Nguyễn Minh L số tiền 595.014 đồng; chị Lê Thị N1 số tiền 755.573 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 1.750.050 đồng; anh Trần Duyên H2 số tiền 4.900.140 đồng; chị Mai Thị Ngọc H3 số tiền 12.305.833 đồng; chị Nguyễn Thị L1 số tiền 1.865.129 đồng; anh Lê Văn D số tiền 1.144.467 đồng; bà Trần Thị Hồng O số tiền 1.894.547 đồng; chị Nguyễn Thị Hồng H4 số tiền 2.861.167 đồng; bà Mai Ngọc L2 số tiền 3.433.400 đồng; chị Trần Thị H5 số tiền 1.516.690 đồng; anh Nguyễn Ngọc M1 số tiền 9.000.200 đồng; chị Trần Kim A1 số tiền 682 đồng; bà Trương Thị H6 số tiền 5.577.867 đồng; bà Lương Thị X số tiền 3.375.625 đồng; anh Nguyễn Văn H7 số tiền 4.437.177 đồng; chị Lê Thị Ánh C số tiền 2.861.166 đồng; bà Nguyễn Thị T4 số tiền 711.723 đồng; anh Nguyễn Sơn Tam B số tiền 3.227.847 đồng; anh Phạm Đức H8 số tiền 2.966.680 đồng; bà Hoàng Thị T5 số tiền 4.484.544 đồng; ông Lưu Trung T6 số tiền 388.900 đồng; chị Phạm Thị Kim T7 số tiền 1.377.787 đồng; anh Nguyễn Hữu T8 số tiền là 5.022.294 đồng; anh Tạ Hữu V số tiền là 30.139.034 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Phạm Duy A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

5. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Bị cáo Phạm Duy A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an Tp. Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an Tp. Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS Tp. Thủ Đức;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu